

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI LAI  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2020

V/v tranh chấp: “*Ly hôn giữa bà L  
và ông Ph*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thụy Đăng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Thành Lực

2. Ông Tăng Hoàng Đa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Hoài Hận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “*ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Khương B, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

Bị đơn: ông **Võ Thanh Ph**, sinh năm 1971 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: bà và ông Võ Thanh Ph sống chung vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường

Xuân B, huyện Thới Lai vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ph thường xuyên vắng nhà, không lo làm ăn, thường hay uống rượu về nhà lại kiếm chuyện chửi đánh vợ con, bà có khuyên nhưng ông Ph không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc bà yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: bà và ông Ph có 04 con chung là Võ Thanh T, sinh năm 1992, Võ Thanh Th, sinh năm 1995, Võ Thanh Kh, sinh năm 1998, Võ Thanh Ti, sinh năm 2000. Nay ly hôn, các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thanh Ph vắng mặt nhưng có trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020: ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L quen biết, yêu thương nhau nên xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân B. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên chung sống không hạnh phúc. Nay bà L xin ly hôn thì ông thống nhất ly hôn. Về con chung: có 04 con chung là Võ Thanh T, sinh năm 1992, Võ Thanh Th, sinh năm 1995, Võ Thanh Kh, sinh năm 1998, Võ Thanh Ti, sinh năm 2000, tất cả các con đã trưởng thành nên ông không có ý kiến. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay: bà Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ông Võ Thanh Ph xin vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Võ Thanh Ph có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Thanh Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Võ Thanh Ph: Hai người sống chung từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2015 nên hôn nhân được công nhận từ năm 1992.

Về yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Ph thì nhận thấy: Theo bà L khai thì trong thời gian sống chung, bà và ông Ph phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Ph thường hay uống rượu, không lo làm ăn. Phía ông Ph có ý kiến là đồng ý ly hôn với bà L và có lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Qua xem xét lời trình bày của các bên thì thấy rằng cả bà L và ông Ph đều thể hiện ý kiến là muốn ly hôn, không mong muốn đoàn tụ, cả hai sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Từ đó cho thấy, giữa bà L và ông Ph có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung đã thực sự không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của bà L được ly hôn với ông Ph là có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo bà L và ông Ph cùng khai thì hai người có 04 con chung là Võ Thanh T, sinh năm 1992, Võ Thanh Th, sinh năm 1995, Võ Thanh Kh, sinh năm 1998, Võ Thanh Ti, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các con chung của bà L và ông Ph đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Võ Thanh Ph.

2. Về nuôi con chung: các con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: các đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 015717 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thụy Đặng Phụng**